

Số: ~~2854~~ /QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 19 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Quy định Phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc Ban hành quy định thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung thẩm quyền quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công thương tại Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại tờ trình số 2610/TTr-SYT ngày 07/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu”.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ địa phương II);
- Bộ Y tế (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (b/c);
- Bộ Công thương (b/c);
- TTr.TU; TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PITH tỉnh; Báo BR-VT;;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT-VX3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 19 tháng 10 năm 2016

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 19/10/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Nguyên tắc quy định thẩm quyền quản lý về ATTP

1. Tuân thủ các Quy định của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản pháp luật hiện hành;
2. Bảo đảm sự thống nhất quản lý về ATTP trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
3. Bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh, chế biến và tiêu thụ thực phẩm;
4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện chức năng quản lý về ATTP trên địa bàn tỉnh;
5. Đảm bảo nguyên tắc một cửa theo yêu cầu cải cách hành chính; một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước;
6. Thực hiện phân cấp cho UBND các huyện, thành phố trong quản lý về ATTP trong phạm vi của tỉnh;
7. Trường hợp cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 bộ trở lên trong đó có sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế thì ngành Y tế chịu trách nhiệm quản lý;

8. Trường hợp cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương thì ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý;

9. Trường hợp cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 Bộ trở lên (bao gồm cả chợ và siêu thị) thì ngành Công Thương chịu trách nhiệm quản lý trừ chợ đầu mối, đấu giá nông sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

10. Ngành Y tế chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm trừ những loại dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ được sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương.

Điều 3. Nội dung chính trong quản lý về ATTP

1. Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thực phẩm;

2. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm;

3. Kiểm tra việc thực hiện cam kết bảo đảm ATTP của chủ các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, cơ sở sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản nhỏ lẻ.

4. Thực hiện tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP; xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm;

5. Tổ chức thông tin, giáo dục truyền thông bằng nhiều hình thức cho tất cả các nhóm đối tượng;

6. Tổ chức cấp cứu, điều tra khi xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm, thực hiện truy nguyên nguồn gốc thực phẩm gây ngộ độc; thực hiện giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm;

7. Tổ chức thanh, kiểm tra việc thực hiện những quy định về ATTP đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm.

Chương II PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Y tế:

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh thực hiện quản lý về ATTP trên địa bàn; đầu mối thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP của tỉnh;

2. Là đầu mối tổng hợp báo cáo tình hình ATTP tại địa phương cho UBND tỉnh;

3. Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra tình hình ATTP trên địa bàn; là đầu mối giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn;

4. Tổ chức quản lý và thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của Pháp luật (Phụ lục 1 đính kèm);

5. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các ngành khác khi có chỉ đạo của UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP khi phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm lưu thông trên thị trường vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng; khi có sự khác biệt trong kết luận thanh tra của các sở chuyên ngành; theo đề nghị của sở chuyên ngành;

6. Tổ chức tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc xác nhận công bố phù hợp ATTP theo quy định của pháp luật;

7. Tổ chức việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với các thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật;

8. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình sản phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế và đối với những sản phẩm chưa được phân cấp cho Bộ, ngành nào quản lý;

9. Tổ chức tập huấn kiến thức ATTP và cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình sản phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế và đối với những sản phẩm chưa được phân cấp cho Bộ, ngành nào quản lý;

10. Chịu trách nhiệm quản lý ATTP trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống và đối tượng theo phân cấp quản lý;

11. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, chịu trách nhiệm cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm, được quyền yêu cầu các sở ngành liên quan cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý và cử người tham gia với Sở Y tế tổ chức điều tra nguyên nhân, tiến hành truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Quản lý ATTP đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối;

3. Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật (Phụ lục 2 đính kèm);

4. Quản lý ATTP đối với các chợ đầu mối đầu giá nông sản;

5. Tổ chức việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với các thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

6. Tổ chức việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

7. Tổ chức cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình sản phẩm theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

8. Tổ chức việc tập huấn kiến thức về ATTP cho người trực tiếp tiếp xúc thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý;

9. Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành quy trình, biểu mẫu kiểm tra, đánh giá về điều kiện bảo đảm ATTP đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành văn bản hướng dẫn;

10. Định kỳ, đột xuất báo cáo thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Công thương

1. Thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý của Bộ Công thương;

2. Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật (Phụ lục 3 đính kèm);

3. Quản lý ATTP đối với các chợ, siêu thị và các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm. Đối với các cơ sở kinh doanh độc lập trong chợ, siêu thị thuộc trách nhiệm của các sở chuyên ngành.

4. Tổ chức việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với các thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

5. Tổ chức việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với:

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế thấp hơn các cơ sở quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Thông tư 58/2014/TT-BCT

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương;

b) Cơ sở kinh doanh thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân bán buôn hoặc đại lý bán buôn trên địa bàn tỉnh; cơ sở bán lẻ thực phẩm (theo phụ lục 3) trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình sản phẩm theo phân cấp của Bộ Công thương;

7. Thực hiện việc kiểm tra phòng chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm;

8. Tổ chức việc tập huấn kiến thức về ATTP cho người trực tiếp tiếp xúc thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý.

9. Định kỳ, đột xuất báo cáo thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý ATTP của UBND cấp huyện

1. Thực hiện quản lý nhà nước về ATTP và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về ATTP trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

2. Tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP trên địa bàn;

3. Chỉ đạo thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND tỉnh về ATTP;

4. Thực hiện quản lý hoạt động sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ; kinh doanh dịch vụ ăn uống do UBND cấp huyện cấp giấy phép đăng ký kinh doanh; căn tin, bếp ăn tập thể các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mẫu giáo, nhà trẻ;

5. Thực hiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với:

- Loại hình dịch vụ ăn uống do UBND cấp huyện cấp giấy phép đăng ký kinh doanh;

- Các căn tin, bếp ăn tập thể các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mẫu giáo, nhà trẻ; nhóm trẻ tư thục trên địa bàn (trực thuộc ngành Giáo dục quản lý);

- Các căn tin, bếp ăn tập thể của các cơ quan, đơn vị cấp huyện;

- Các bếp ăn tập thể của công ty, xí nghiệp, nhà máy có quy mô phục vụ dưới 200 suất ăn;

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương, bao gồm: Các cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Xác nhận bản đăng ký bảo đảm ATTP đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ (là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật); buôn bán hàng rong; cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định (điều kiện bảo quản đặc biệt đối với thực phẩm là việc sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ để duy trì các yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và các yếu tố bảo quản khác theo yêu cầu của nhà sản xuất nhằm bảo đảm chất lượng, ATTP) thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

7. Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản nhỏ lẻ.

8. Tổ chức cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ ngành Công Thương trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

9. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND tỉnh về quản lý ATTP đối với thức ăn đường phố và các cơ sở dịch vụ ăn uống theo phân cấp quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của UBND cấp xã

UBND cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về ATTP và chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện về ATTP trên địa bàn, cụ thể:

1. Tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP;
2. Chỉ đạo thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND tỉnh về ATTP;
3. Thực hiện quản lý ATTP đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ thức ăn đường phố và các cơ sở dịch vụ ăn uống theo ủy quyền của UBND cấp huyện;
4. Tổ chức cho chủ các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng có địa điểm kinh doanh cố định ký cam kết bảo đảm ATTP với cơ quan quản lý (UBND cấp xã).

Chương III

PHỐI HỢP TRONG THANH TRA, KIỂM TRA VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 9. Nguyên tắc phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về ATTP

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng ngành.
2. Xác định rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp theo quy định:
 - a) Các sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương chủ động chủ trì tổ chức, thực hiện việc thanh tra, kiểm tra ATTP theo phạm vi quản lý được phân công, các ngành liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra ATTP theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.
 - b) Trường hợp tiến hành thanh tra, kiểm tra liên ngành, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương và các lực lượng liên quan tổ chức và phân công thực hiện.
3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm không chồng chéo giữa các ngành, các cấp, bảo đảm hoạt động thanh tra, kiểm tra thống nhất từ tỉnh đến huyện, xã. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:
 - a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên;
 - b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên ngành.
4. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.
5. Cơ quan chủ trì việc thanh tra, kiểm tra phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp thanh tra, kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp.
6. Thực hiện việc chia sẻ thông tin giữa các sở từ lập kế hoạch đến thực hiện thanh tra và kết quả thanh tra để biết và phối hợp.
7. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP cùng cấp đề xin ý kiến giải quyết.

Điều 10. Phối hợp giữa các cơ quan ở địa phương trong việc thanh tra, kiểm tra liên ngành ATTP

1. Trường hợp phải tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành ATTP thì Sở Y tế chủ trì, tham mưu UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

2. Khi có đề nghị của cơ quan chủ trì về việc thanh tra, kiểm tra, cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ để tham gia thanh tra, kiểm tra.

3. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành; định kỳ 6 tháng, hằng năm các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương và các sở, ngành được giao tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra ATTP thuộc lĩnh vực được phân công quản lý hoặc phạm vi được giao thanh tra, kiểm tra về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP của tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh để báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về ATTP.

4. Việc phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí giao cho cơ quan cao nhất của từng ngành, từng cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về phát ngôn và cung cấp thông tin.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương và các cơ quan liên quan; UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này.

Giao Sở Y tế hướng dẫn, triển khai, đôn đốc và giám sát các Sở, UBND dân cấp huyện thực hiện Quy định này. Hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về triển khai thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, địa phương báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế giải quyết hoặc trình UBND tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông



Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HẠNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH Y TẾ (Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

TT	Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành NN&PTNT và Công thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
9	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành NN&PTNT
10	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: Cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng tin kinh doanh ăn uống, bếp ăn tập thể, bếp ăn, nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng ăn uống. Cửa hàng ăn uống. Cửa hàng, quầy kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín. Kinh doanh thức ăn đường phố.	
11	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của ngành Công thương và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	



Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2016
của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

TT	Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Ngũ cốc	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (<i>xay xát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...</i>)	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (<i>nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên..</i>)	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (<i>nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...</i>)	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (<i>khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...</i>)	Trừ thực phẩm chức năng do Y tế quản lý
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (<i>giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tằm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...</i>)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Công thương quản lý.
III	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (<i>dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...</i>)	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (<i>da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,...</i> của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (<i>lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến</i>)	Trừ thực phẩm chức năng do Y tế quản lý
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do Y tế quản lý.

5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá, mực,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do ngành Công thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do ngành Y tế quản lý.
IV	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (<i>cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...</i>)	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến (<i>lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...</i>)	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do Công thương quản lý.
V	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (<i>bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...</i>)	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do ngành Công thương quản lý
VI	Sữa tươi nguyên liệu	
VII	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do Công thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do Y tế quản lý.
VIII	Thực phẩm biến đổi gen	
IX	Muối	
1	Muối biển, muối mỏ	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	

X	Gia vị	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (<i>bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt,...</i>)	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do Công thương quản lý
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	
3	Trương, nước chấm	
4	<i>Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền</i>	
XI	Đường	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn	
2	Đường khác (<i>kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn; xirô đường chua pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen</i>)	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường	
XII	Chè	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo có chứa chè do Công thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát, do Công thương quản lý.
XIII	Cà phê	
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa cà phê do Công thương quản lý.
XIV	Ca cao	
1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, Bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt	

	khác	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do Công thương quản lý.
XV	Hạt tiêu	
1	Hạt tiêu (<i>chi Piper</i>) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền	
2	Các loại quả thuộc chi <i>Capsicum</i> hoặc chi <i>Pimenta</i> , tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XVI	Điều	
1	Hạt điều	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do ngành Công thương quản lý.
XVII	Nông sản thực phẩm khác	
1	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (<i>măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ dầu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây, ...</i>)	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Y tế quản lý
3	Tô yến và các sản phẩm từ tô yến	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Y tế quản lý. Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát có yến do ngành Công thương quản lý.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm (<i>châu chấu, dế, nhộng tằm, ...</i>)	
XVIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
XIX	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	



Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Bia	
1	Bia hơi	
2	Bia chai	
3	Bia lon	
II	Rượu, cồn và đồ uống có cồn	Không bao gồm sản phẩm rượu bỏ do Y tế quản lý
1	Rượu vang	
1.1	Rượu vang không có gas	
1.2	Rượu vang có gas (vang nổ)	
2	Rượu trái cây	
3	Rượu mùi	
4	Rượu cao độ	
5	Rượu trắng, rượu vodka	
6	Đồ uống có cồn khác	
III	Nước giải khát	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Y tế quản lý
1	Đồ uống đóng hộp, bao gồm nước ép rau, quả	
2	Nước giải khát cần pha loãng trước khi dùng	
3	Nước giải khát dùng ngay	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Y tế quản lý
IV	Sữa chế biến	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Y tế quản lý
1	Sữa dạng lỏng (bao gồm sữa dạng lỏng được bổ sung hương liệu hoặc các phụ gia thực phẩm khác)	
1.1	Các sản phẩm được thanh trùng bằng phương pháp Pasteur	
1.2	Các sản phẩm được tiệt trùng bằng phương pháp UHT hoặc các phương pháp tiệt trùng bằng nhiệt độ cao khác	
2	Sữa lên men	
2.1	Dạng lỏng	
2.2	Dạng đặc	
3	Sữa dạng bột	

4	Sữa đặc	
4.1	Có bổ sung đường	
4.2	Không bổ sung đường	
5	Kem sữa	
5.1	Được tiệt trùng bằng phương pháp Pasteur	
5.2	Được tiệt trùng bằng phương pháp UHT	
6	Sữa đậu nành	
7	Các sản phẩm khác từ sữa	
7.1	Bơ	
7.2	Pho mát	
7.3	Các sản phẩm khác từ sữa chế biến	
V	Dầu thực vật	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Y tế quản lý
1	Dầu hạt vừng (mè)	
2	Dầu cám gạo	
3	Dầu đậu tương	
4	Dầu lạc	
5	Dầu ô liu	
6	Dầu cọ	
7	Dầu hạt hướng dương	
8	Dầu cây rum	
9	Dầu hạt bông	
10	Dầu dừa	
11	Dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su	
12	Dầu hạt cải hoặc dầu mù tạt	
13	Dầu hạt lanh	
14	Dầu thầu dầu	
15	Các loại dầu khác	
VI	Bột, tinh bột	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Y tế quản lý
1	Bột mì hoặc bột meslin	
2	Bột ngũ cốc	
3	Bột khoai tây	
4	Malt: rang hoặc chưa rang	
5	Tinh bột : mì, ngô, khoai tây, sắn, khác	
6	Inulin	
7	Gluten lúa mì	

8	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín:spaghety, macaroni, mì sợi, mì ăn liền, mì dẹt, gnochì, ravioli, cannelloni, cháo ăn liền, bánh đa, phở, bún, miến...	
9	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự	
VII	Bánh, mứt, kẹo	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Y tế quản lý
1	Bánh quy ngọt, mặn hoặc không ngọt, mặn	
2	Bánh bít cốt, bánh mì nướng và các loại bánh nướng tương tự	
3	Bánh bột nhào	
4	Bánh mì giòn	
5	Bánh gato	
6	Các loại kẹo cứng, mềm có đường không chứa cacao	
7	Kẹo cao su, đã hoặc chưa bọc đường	
8	Kẹo sô cô la các loại	
9	Mứt, thạch trái cây, bột nghiền và bột nhào từ quả hoặc quả hạch, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
10	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
11	Các sản phẩm bánh mứt kẹo khác	
VIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.	